

TÒA ÁN NHÂN DÂN
thành phố **Q, tỉnh BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số : 1226/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28.11.2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Trần Đông Thiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Hợp

2. Bà Hoàng Thị Thành

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hạnh - Thư ký TAND thành phố Q.

- ***Đại diện VKSND Thành phố Q:*** Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 790/2018/TLST-HNGĐ ngày 09.8.2018 về việc tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*“, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2018/QĐXX-ST ngày 16.10.2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc A - SN: 1981

Địa chỉ : tổ A, KV B, phường Q, thành phố Q.

Bị đơn : Anh Trần Việt T - SN: 1973

Địa chỉ : tổ A, KV B, phường Q, thành phố Q.

(Chị Ngọc A có mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai)

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 18.7.2018 và các lời khai tiếp theo tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc A trình bày:

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu, thời gian khoảng 1 tháng sau đó đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định vào ngày 05.10.2007. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T không quan tâm vợ, con, giữ kinh tế làm ra, không lo gia đình, không chia sẻ cùng vợ trong cuộc sống. Chị

đã ly thân anh T từ giữa năm 2014 đến nay, về cha mẹ ruột sinh sống. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung nặng nề, chị xin ly hôn anh T.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 2 con chung: Cháu Trần Anh T sinh ngày 07.8.2009; Cháu Trần Anh K sinh ngày 19.3.2014. Hiện nay sức khỏe hai cháu bình thường, ly hôn chị xin nuôi 2 cháu, yêu cầu anh T cấp dưỡng 2 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết

Tại bản khai và các lời khai tiếp theo bị đơn anh Trần Viết T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh thống nhất thời gian và điều kiện kết hôn như chị Ngọc A khai báo. Về mâu thuẫn theo anh do kinh tế khó khăn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nay chị Ngọc A xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, con.

- *Về quan hệ con chung:* Anh thống nhất có 2 con chung như chị Ngọc A khai báo, ly hôn anh xin nuôi hai cháu.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết

Ý kiến đại diện VKSND thành phố Q tham dự phiên tòa phát biểu:

Ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự quy định.

Ý kiến về nội dung vụ án: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Ngọc A với anh Trần Viết T; giao cháu Trần Anh T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trần Anh K cho chị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng; án phí theo quy định pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật:

Chị Ngọc A và anh T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định vào ngày 05.10.2007, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Nay Chị Ngọc A có đơn xin ly hôn anh T nên vụ án có quan hệ pháp luật ly hôn.

- *Về nội dung:*

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Ngọc A xin ly hôn, còn anh T không đồng ý ly hôn với chị Ngọc A; do hai bên không thống nhất nên Tòa phải đưa ra xét xử công khai.

Tòa xét:

Chị Ngọc A và anh T có thời gian quen biết, tự tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân và đã có thời gian chung sống hạnh phúc với nhau. Tuy nhiên trong cuộc sống vợ chồng do anh T không quan tâm vợ, con, giữ kinh tế làm ra, không lo gia đình, không chia sẻ cùng vợ trong cuộc sống; chị Ngọc A đã ly thân anh T từ giữa năm 2014 đến nay, về cha mẹ ruột sinh sống. Xét thấy, anh T trong cuộc sống vợ chồng anh T không lo chăm sóc vợ con, mâu thuẫn ngày càng lớn, chị Ngọc A bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống từ năm 2014 cho đến nay mà anh T cũng không điều chỉnh bản thân, không thuyết phục chị Ngọc A quay về lo gia đình. Quá trình Tòa làm việc cũng đã phân tích, tạo thời gian cho anh T hòa giải nhưng anh T cũng không tìm được biện pháp hữu hiệu nào để dung hòa mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng mà lại né tránh không đến Tòa hòa giải. Xét thấy mâu thuẫn anh chị ngày càng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào khoản 1 điều 56 Luật HNGĐ, HĐXX có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngọc A.

[3] Về quan hệ con chung:

Quá trình chung sống vợ chồng thống nhất có hai con chung: Cháu Trần Anh T sinh ngày 07.8.2009; Cháu Trần Anh K sinh ngày 19.3.2014. Hiện nay sức khỏe bình thường, ly hôn chị Ngọc A xin nuôi 2 cháu, yêu cầu anh T cấp dưỡng 2 triệu đồng/tháng. Anh T ly hôn xin nuôi hai cháu không yêu cầu chị Ngọc A cấp dưỡng.

Tòa xét: Thời gian dài chị Ngọc A dẫn 2 cháu về nhà mẹ ruột sinh sống từ năm 2014 cho đến nay anh T không quan tâm, không lo cho con; tại biên bản lấy lời khai cháu Trần Anh T nguyện vọng ở với mẹ; tuy nhiên do cháu Trần Anh K sinh ngày 19.3.2014 còn nhỏ cần có mẹ chăm lo nên xét thấy cần thiết giao cháu K cho chị Ngọc A nuôi dưỡng để chăm sóc cháu tốt hơn; còn cháu T đã 9 tuổi thiết nghĩ nên giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Do hai bên mỗi bên nuôi một cháu nên không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

[4] Về quan hệ tài sản chung:

Chị Ngọc A và anh T không yêu cầu tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm :

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Ngọc A phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Ý kiến đại diện VKSND thành phố Q về nội dung vụ án phù hợp hướng nhận định của HĐXX nên chấp nhận

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS năm 2015

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Ngọc A được ly hôn với anh Trần Viết T

2- Về quan hệ con chung :

- Chị Trần Thị Ngọc A và anh Trần Viết T thống nhất có 2 con chung: Cháu Trần Anh T sinh ngày 07.8.2009; Cháu Trần Anh K sinh ngày 19.3.2014. Hiện nay sức khỏe bình thường

- Chị Trần Thị Ngọc A được trực tiếp nuôi dưỡng Cháu Trần Anh K sinh ngày 19.3.2014; anh Trần Viết T được trực tiếp nuôi dưỡng Cháu Trần Anh T sinh ngày 07.8.2009. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

4. Về án phí HNGĐ-ST: Chị Trần Thị Ngọc A phải chịu 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số 0000090 ngày 09.8.2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q; chị Ngọc A đã nộp xong án phí.

5- Về quyền kháng cáo :

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự.
- VKSND Tp. Q
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Trần Đông Thiên

Đối với giá trị đất 767.364.100đ làm tròn 767.364.000đ chia tỉ lệ 3/7 trong đó anh Lẽ được 7 phần thành tiền **537.155.000đ**, chị Nương được 3 phần thành tiền **230.209.000đ**.

Như nhận định trên, anh Lẽ được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng nhà và đất tại 11 Võ Văn Tần, TP. Quy Nhơn, có nghĩa vụ thối lại cho chị Nương giá trị bằng tiền cụ thể như sau: giá trị nhà 177.352.000đ cộng giá trị đất 230.209.000đ thành tiền **407.561.000đ**; Còn chị Nương có nghĩa vụ chi trả số tiền 245.000.000đ cho anh Lẽ.